TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2026/HSST
Ngày: 16/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Bích Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hữu** - Giáo viên

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương** - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà ***Bùi Thị Thanh Thủy*** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 315/2025/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Thông báo hoãn phiên tòa số 315 ngày 05/01/2026 đối với bị cáo:

CÀ VĂN L - sinh ngày 25/01/2008 *(thời điểm thực hiện hành vi phạm tội được 17 tuổi 09 tháng 06 ngày);* CCCD số 011208001549; Nơi cư trú: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên; Giới tính: nam; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cà Văn Đ, con bà Lò Thị D; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo:

1. Ông **Cà Văn Đ** - sinh năm 1983 (*bố bị cáo*)

2. Bà **Lò Thị D** - sinh năm 1992 (*mẹ bị cáo*)

Đều trú tại: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

(*Đều vắng mặt tại phiên tòa*).

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà **Chu Thị T** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H, Chi nhánh S.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh **Ngô Văn T1**, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn K, xã T, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Đ, xã N, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 10/2025, Cà Văn L, sinh ngày 25/01/2008, HKTT tại Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên đến làm thuê cho anh Nguyễn Phương H, sinh năm 1986, ở khối E, xã S, Hà Nội tại kho gạch T. Do đi làm chưa có lương, thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 22 giờ ngày 31/10/2025, L đi bộ một mình từ chỗ làm ra đường quốc lộ 2, rẽ bên phải đi dọc tuyến đường quốc lộ 2 để quan sát xem có nhà nào sơ hở thì đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cửa hàng Đ1, tại số nhà D, khối B, xã S, Hà Nội của anh Ngô Văn T1 (sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã T, Hà Nội L) thấy tầng 3 cửa mở, không bật điện nên L trèo qua cổng nhà số 47 đi men theo mái tôn lên tầng 3 nhà số D, vào được bên trong là khu vực phòng thờ, L không thấy có ai ở nên đi cầu thang xuống tầng 2. Tại đây, L thấy có 02 phòng đóng cửa nên tiếp tục đi xuống tầng 1 thì thấy 01 tủ kính bên trong chứa nhiều điện thoại. Do tủ để điện thoại bị khóa nên L chỉ trộm cắp được 02 điện thoại Iphone X và Iphone 7 plus ở vị trí giá trưng bày và 01 điện thoại Iphone XS ở ngăn kéo chứa đồ của quầy hàng.

Sau khi lấy trộm được tài sản, L đi lên khu vực tầng 3 ra lan can trèo xuống mái tôn nhà số D rồi trèo qua cổng ra đường quốc lộ 2 tẩu thoát. Trên đường về, L kiểm tra điện thoại Iphone X có mật khẩu, không mở được nên mang ra gốc cây ở vườn hoa gần đó vứt rồi đi về kho gạch ngủ; 02 điện thoại còn lại là Iphone X màu vàng và Iphone 7 plus màu đen không có mật khẩu nên L giữ lại. Đến khoảng 11 giờ ngày 01/11/2025, L mang điện thoại Iphone 7 plus đến bán cho anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã N, Hà Nội - chủ cửa hàng HT4 mobile, địa chỉ ở số G, đường C, khối A, xã S, Hà Nội, được 200.000 đồng; Chiếc điện thoại Iphone X màu vàng, L lắp sim cá nhân vào để sử dụng.

Đến tối ngày 03/11/2025, qua rà soát Cơ quan công an đã tiến hành mời L về trụ sở làm việc. Tại đây, L tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Iphone X và thành khẩn khai báo toàn bộ nội dung sự việc như trên.

Vật chứng tạm giữ, xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của anh Nguyễn Văn T2 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen;

- Tạm giữ của L: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng;

Ngày 13/11/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 điện thoại trên cho anh Ngô Văn T1. Còn đối với chiếc điện thoại Iphone X, cơ quan điều tra đã rà soát nhưng không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐ ngày 12/11/2025 của Hội đồng ĐGTSTXTTHS - UBND xã S, kết luận:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, 32GB, sản xuất năm 2019, trị giá: 1.133.000 đồng.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64GB, màu đen, sản xuất năm 2019, trị giá: 3.000.000 đồng.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, 256GB, sản xuất năm 2019, trị giá: 4.000.000 đồng.

Tổng tài sản L chiếm đoạt là: 8.133.000 đồng.

Về dân sự: Anh T1 đã nhận lại 02 chiếc điện thoại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với chiếc điện thoại đã mất.

Đối với anh Nguyễn Văn T2: Khi mua điện thoại, anh T2 không biết tài sản do phạm tội mà có. L không nói cho anh T2 biết nguồn gốc tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T2 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ. Anh T2 không yêu cầu L bồi thường số tiền 200.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Cà Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 17/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội truy tố bị cáo Cà Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội đã truy tố và xin giảm nhẹ mức hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội duy trì quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Cà Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với số tiền 200.000 đồng, bị cáo bán chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7 Plus , màu đen, 32G, sản xuất năm 2019 trộm cắp của anh Ngô Văn T1, anh Nguyễn Văn T2 sau khi mua của bị cáo đã giao nộp cho cơ quan Công an và không yêu cầu giải quyết số tiền anh đã bỏ ra mua điện thoại của bị cáo, cần buộc bị cáo truy nộp để sung Ngân sách nhà nước.

Về dân sự: Anh T1 đã nhận lại 02 chiếc điện thoại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với chiếc điện thoại đã mất nên không phải giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T2: Khi mua điện thoại, anh T2 không biết tài sản do phạm tội mà có. L không nói cho anh T2 biết nguồn gốc tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T2 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ. Anh T2 không yêu cầu L bồi thường số tiền 200.000 đồng nên không phải giải quyết.

Buộc bị cáo truy nộp số tiền 200.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bà Chu Thị T bào chữa cho bị cáo:

Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi (hơn 16 tuổi), là độ tuổi đang ngồi trên ghế nhà trường nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo không được tiếp tục theo học như các bạn cùng trang lứa, bị cáo đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý và nhân cách nên khả năng nhận thức, kinh nghiệm sống cũng như sự hiểu biết pháp luật còn rất hạn chế. Hành vi của bị cáo thể hiện sự bột phát, thiếu hiểu biết pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật nhiều hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh gia đình éo le: bố mẹ bị cáo ly hôn, bộ mẹ bị cáo đều đã xây dựng gia đình mới và để bị cáo sống với bà ngại nên thiếu đi sự giám sát, uốn nắn nên dễ bị sa ngã nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo mức án 04 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội nói chung và đối với người phạm tội chưa thành niên nói riêng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội đối đáp với ý kiến quan điểm của người bào chữa:

Bị cáo chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 8.133.000 đồng, Hội đồng xét xử không phải giải quyết vấn đề dân sự do người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, bị cáo không ở một nơi cố định do vậy Viện kiểm sát vẫn giữa nguyên quan điểm như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội đã truy tố. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 31/10/2025, tại cửa hàng điện thoại My T3 tại số nhà D, khối B, xã S, thành phố Hà Nội của anh Ngô Văn T1, Cà Văn L đã có hành vi Trộm cắp tài sản là 03 chiếc điện thoại di động, với tổng trị giá 8.133.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ. Nội dung điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng vẫn lén lút treo vào nhà trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động của anh Ngô Văn T1, tổng trị giá 8.133.000 đồng.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa thành niên, là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế, có hoàn cảnh éo le (bố mẹ bị cáo ly hôn và đều đã xây dựng gia đình mới, bị cáo phải ở với bà ngoại), là các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự được coi là có nhân thân tốt.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù bị cáo là người chưa thành niên nhưng bị cáo đã liều lĩnh, một mình trèo vào tầng ba cửa hàng của anh T1 để trộm cắp tài sản. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú của bị cáo thì bị cáo thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không biết bị cáo làm gì ở đâu vì bị cáo không khai báo, không đăng ký tạm trú tại nơi bị cáo đến. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cũng như đảm bảo cho việc thi hành án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi (trên 16 tuổi) nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 119; Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với ý kiến, quan điểm của người bào chữa:

Hội đồng xét xử đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như hoàn cảnh của bị cáo. Bị cáo trộm cắp tài sản có tổng trị giá 8.133.000 đồng, là cao gấp hơn 04 lần so với mức khởi điểm, Hội đồng xét xử không phải giải quyết vấn đề dân sự do người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu chứ không phải do bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, vì vậy việc người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Mức hình phát của người bào chữa đưa ra là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên, bị cáo thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không biết bị cáo làm gì ở đâu vì bị cáo không khai báo, không đăng ký tạm trú tại nơi bị cáo đến. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cũng như đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Về dân sự: Anh T1 đã nhận lại 02 chiếc điện thoại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với chiếc điện thoại đã mất nên không phải giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T2: Khi mua điện thoại, anh T2 không biết tài sản do phạm tội mà có. L không nói cho anh T2 biết nguồn gốc tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T2 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ. Anh T2 không yêu cầu L bồi thường số tiền 200.000 đồng nên không phải giải quyết.

Đối với số tiền 200.000 đồng, bị cáo bán chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7 Plus , màu đen, 32G, sản xuất năm 2019 trộm cắp của anh Ngô Văn T1, anh Nguyễn Văn T2 sau khi mua của bị cáo đã giao nộp cho cơ quan Công an và không yêu cầu giải quyết số tiền anh đã bỏ ra mua điện thoại của bị cáo, cần buộc bị cáo truy nộp để sung Ngân sách nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 119; Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên;
- Điều 135, 326, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Toà án.

Xử phạt: Cà Văn L 04 (bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2025.

Buộc bị cáo truy nộp số tiền 200.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo*;
- *VKSND Khu vực 7 - Hà Nội*;
- *Công an thành phố Hà Nội*;
- *THADS thành phố Hà Nội*;
- *Người tham gia tố tụng*;
- *Lưu HS, VP*.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Bích Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Nguyệt